

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Nghĩa và ông Lê Nhật Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
bà Trần Thị Hải Yên- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 459/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trần Thị C, sinh năm 1986; nơi cư trú: khu phố N, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên - có mặt

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1983; nơi cư trú: khu phố N, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên – vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị C trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: anh D và chị C tự tìm hiểu và đi đến đăng ký kết hôn vào ngày 08/08/2005, tại UBND phường H, sau khi kết hôn, 2 vợ chồng chúng tôi sống được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chồng tôi ăn chơi đến mức phải bán căn nhà, đánh đập vợ con nhiều lần như vậy đến ngày hôm nay mẹ con tôi phải ra thuê nhà để ở. Còn chồng tôi thì từ thời điểm khoảng 5 năm trở lại đây thì đã bỏ đi đến nay không liên lạc được. Tôi thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn tiếp tục duy trì mối quan hệ này. Để ổn định cuộc sống cho cả hai người nên tôi làm đơn xin ly hôn để chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

- Về con chung: Chúng tôi có với nhau 02 con chung là Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 05/09/2006 và Nguyễn Tiến P, sinh ngày 20/05/2012.

Từ khi anh D bỏ tôi đi đến nay, tôi vẫn một mình nuôi hai con. Tôi yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con sau khi ly hôn và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Tiến D vắng mặt.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa tiến hành hòa giải nhưng không được.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Trần Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung trình bày nêu trên.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng;

- Đối với bị đơn, Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý theo Điều 91 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56,57, 58, 81,82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị C được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Tiến D .

- Về con chung: giao cho Nguyên đơn tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung: Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 05/09/2006; và Nguyễn Tiến P, sinh ngày 20/05/2012. Nguyên đơn không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Việc giải quyết theo thủ tục vắng mặt đương sự: Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp địa chỉ của bị đơn. Bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn biết, là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa căn cứ các điều 5, 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành thụ lý giải quyết và niêm yết theo thủ tục chung nhưng bị đơn được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ vắng mặt không lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: anh D và chị C tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 08/08/2005 tại UBND phường H, thành phố T là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung từ năm 2019 đến nay, đời sống vợ chồng chị C và anh D không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị C là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn chị Trần Thị cảm được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

[3.2] Về con chung: Bị đơn vắng mặt; Nguyên đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung nên tiếp tục giao cho Nguyên đơn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung: Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 05/09/2006; và Nguyễn Tiến P, sinh ngày 20/05/2012. Nguyên đơn không yêu 57, 58, 81,82, 83, 84 cầu về cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn nên không xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81,82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị C được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Tiến D .

- Về con chung: Tiếp tục giao cho Nguyên đơn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung: Nguyễn Trần Khánh V, sinh ngày 05/09/2006; và Nguyễn Tiến P, sinh ngày 20/05/2012. Nguyên đơn không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn nên không xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về án phí: nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007725 ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- UBND phường H, TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hưng